



Bài báo nghiên cứu

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THEO DỰ ÁN TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP TIẾNG NHẬT CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Võ Thị Ngọc Lan, Lê Quốc Trí**

Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Lê Quốc Trí – Email: reikokuchi7@gmail.com*

Ngày nhận bài: 16-7-2026; Ngày nhận bài sửa: 30-7-2026; Ngày duyệt đăng: 21-8-2026

TÓM TẮT

Năng lực giao tiếp (NLGT), đặc biệt là NLGT tiếng Nhật, đang trở thành một trong những năng lực thiết yếu mà các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, cũng như tại khu vực châu Á coi trọng. Nhưng phát triển NLGT tiếng Nhật cho sinh viên (SV) vẫn còn hạn chế/bất cập. Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu về cơ sở lý luận và thực tiễn của việc vận dụng phương pháp dạy học (PPDH) theo dự án (PBL) và phát triển NLGT tiếng Nhật, đồng thời xây dựng quy trình vận dụng PBL nhằm phát triển NLGT tiếng Nhật theo 5 bước cho dự án ngắn hạn và dài hạn. Sau khi dạy thử một dự án ngắn hạn, kết quả cho thấy NLGT tiếng Nhật của SV được cải thiện. Kết quả nghiên cứu này không chỉ góp phần làm cơ sở lý luận và thực tiễn mà còn là tài liệu tham khảo cho GV trong việc vận dụng PBL, góp phần phát triển NLGT tiếng Nhật cho SV Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khóa: phát triển năng lực; quy trình 5 bước; giao tiếp tiếng Nhật; phương pháp dạy học theo dự án

1. Giới thiệu

Tiếng Nhật hiện không chỉ là ngoại ngữ đơn thuần mà còn là cầu nối tri thức và văn hóa giữa hai quốc gia. Theo Cao (2017), việc giảng dạy tiếng Nhật nhằm giúp người học tiếp nhận tri thức khoa học – công nghệ và đóng vai trò kết nối văn hóa. Tiếng Nhật là ngôn ngữ chính thức của một cường quốc kinh tế và đang thu hút ngày càng nhiều người học. Đối với SV Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHBK TPHCM), tiếng Nhật không chỉ là công cụ tiếp cận học thuật mà còn là chìa khóa để nâng cao khả năng cạnh tranh trong thị trường lao động toàn cầu.

Thực tế cho thấy việc dạy và học ngoại ngữ còn nhiều bất cập, kỹ năng giao tiếp chưa được chú trọng đúng mức tại Trường ĐHBK TPHCM. Dù là cơ sở đào tạo trọng điểm quốc

Cite this article as: Vo, T. N. L., & Le, Q. T. (2026). Applying project-based learning to develop Japanese communicative competence among undergraduates at Ho Chi Minh City University of Technology. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 23(8), 1886-1897. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.8.5722\(2026\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.8.5722(2026))

gia và có nhiều nỗ lực trong việc giảng dạy ngoại ngữ, nhưng kết quả đạt được vẫn chưa như kì vọng. Chương trình đào tạo tiếng Nhật hiện vẫn nặng về ngữ pháp và từ vựng, ít chú trọng phát triển kĩ năng giao tiếp thực tế. Phương pháp giảng dạy mang tính truyền thống, chưa vận dụng PPDH tích cực. Vì vậy, SV thiếu cơ hội thực hành giao tiếp, môi trường sử dụng tiếng Nhật còn hạn chế, ít hoạt động ngoại khóa bằng tiếng Nhật. Sự rụt rè, lo lắng khi giao tiếp tiếng Nhật vẫn là rào cản lớn, gây khó khăn cho cả SV lẫn GV trong quá trình đào tạo. Do đó, nghiên cứu vận dụng PBL trong việc phát triển NLGT tiếng Nhật cho SV Trường ĐHBK TPHCM là thực sự cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là PBL trong phát triển NLGT tiếng Nhật cho SV Trường ĐHBK TPHCM.

Nghiên cứu được thực hiện trên cơ sở kết hợp các phương pháp nghiên cứu lí luận và thực tiễn. Về lí luận, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp tài liệu nhằm làm rõ cơ sở lí luận về PBL và phát triển NLGT tiếng Nhật cho SV. Phương pháp này cũng được dùng để hệ thống hoá công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến PBL trong phát triển NLGT tiếng Nhật cho SV cũng như xây dựng quy trình vận dụng PBL trong phát triển NLGT tiếng Nhật cho SV Trường ĐHBK TPHCM. Về thực tiễn, vận dụng phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi để đánh giá thực trạng dạy học tiếng Nhật và NLGT tiếng Nhật. Đồng thời, vận dụng phương pháp thử nghiệm sư phạm, phương pháp quan sát và phỏng vấn nhằm đánh giá tác động của PBL đối với việc phát triển NLGT tiếng Nhật của SV.

2.2. Khái lược về phương pháp dạy học theo dự án và phát triển năng lực giao tiếp tiếng Nhật

2.2.1. Phương pháp dạy học theo dự án

a) Khái niệm

Trên nền tảng các khái niệm, định nghĩa của (Dewi, 2016; Thomas, 2000; Trinh et al., 2011; Nguyen, 2010; Matsuda et al., 2007), khái niệm PBL trong nghiên cứu này được hiểu là PPDH phức hợp, trong đó dưới sự tổ chức, theo dõi, hỗ trợ và điều phối của GV, SV thu nhận kiến thức và kĩ năng thông qua việc chủ động tìm tòi, nghiên cứu và giải quyết một tình huống thực tiễn theo sát chương trình, có sự kết hợp giữa lí thuyết với thực hành, tạo ra sản phẩm như bài thuyết trình, mô hình, video và diễn ra trong một khoảng thời gian vài buổi, vài tuần hoặc suốt học kì. Không giống như “Dạy học dựa trên nhiệm vụ” (Task-Based Language Teaching – TBLT) là phương pháp vận dụng các nhiệm vụ ngôn ngữ để tạo ra bối cảnh và cơ hội cho người học sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp có ý nghĩa (Bui, 2025).

b) Đặc trưng cốt lõi của dạy học theo dự án

Theo Wellspring Hanoi (2026) đặc trưng cốt lõi của PBL là chuyển trọng tâm từ việc ghi nhớ kiến thức thụ động sang “học thông qua làm”, bao gồm: Tính thực tiễn; Tính liên môn; Giúp học sinh phát triển kĩ năng mềm: Quá trình thực hiện dự án tạo được môi trường học tập cho học sinh rèn luyện tư duy phản biện, kĩ năng làm việc nhóm, quản lí thời gian và năng lực giao tiếp; Trao quyền chủ động cho học sinh. Đồng thời, phát triển những năng

lực quan trọng của thế kỉ XXI như: rèn luyện các kĩ năng mềm quan trọng như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp và kĩ năng làm việc nhóm. Điều này cũng có nghĩa rằng các đặc trưng cốt lõi của PBL bao gồm: năng lực giải quyết vấn đề phức hợp (Problem-solving), tư duy phản biện (Critical thinking), năng lực tự chủ (Autonomy) và kĩ năng cộng tác (Collaboration) thông qua một quy trình truy vấn có tính xác thực cao. Bên cạnh đó, PBL phải tạo ra sản phẩm cuối cùng. Đây là một trong những cơ sở để xây dựng quy trình PBL.

c) Quy trình thực hiện phương pháp dạy học theo dự án

Quy trình thực hiện PBL được phân chia theo bước hoặc giai đoạn, số bước và giai đoạn chưa được thống nhất. Theo 5 bước của Trinh và cộng sự (2011), gần tương đồng với quy trình này là 5 giai đoạn (GD) của dạy học theo dự án do Nguyễn Văn Cường và Bern Meier xây dựng là: GD 1) Xác định chủ đề/mục đích dự án; GD 2) Xây dựng kế hoạch; GD 3) Thực hiện dự án; GD 4) Trình bày sản phẩm dự án; GD 5) Đánh giá dự án (Nguyen & Meier, 2012). Đồng thời, các nghiên cứu của Dam (2017) và Frey (1998) lần lượt đề xuất quy trình thực hiện PBL gồm 6 bước và 7 bước.

Mặc dù các quy trình PBL được các tác giả đề xuất với số lượng và phân chia bước/giai đoạn triển khai có sự khác biệt, song chúng đều có điểm chung: xác định – lập kế hoạch – thực hiện – trình bày kết quả – đánh giá.

2.2.2. Phát triển năng lực giao tiếp tiếng Nhật

a) Khái niệm

Theo Cao (2017), phát triển NLGT tiếng Nhật đòi hỏi người học có khả năng tổ chức phát ngôn mạch lạc, sử dụng các công cụ liên kết logic, và biết điều chỉnh chiến lược khi gặp khó khăn như thiếu từ vựng hay chưa hiểu rõ thông tin. Quá trình này không thể diễn ra một cách thụ động, mà cần sự chủ động trong học tập, thường xuyên luyện tập trong môi trường giao tiếp thực tiễn, và đặc biệt là có khả năng tự đánh giá và điều chỉnh cách sử dụng ngôn ngữ. Tiếng Nhật là ngôn ngữ có tính phân tầng xã hội và hệ thống biểu đạt phong phú, việc phát triển NLGT không chỉ nhằm mục đích truyền đạt thông tin, mà còn giúp người học đạt được sự hiệu quả, lịch thiệp và đúng chuẩn mực giao tiếp văn hóa – xã hội Nhật Bản.

b) Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển NLGT tiếng Nhật

Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển NLGT tiếng Nhật là sự kết hợp giữa các yếu tố cá nhân, môi trường học tập và đặc thù ngôn ngữ – văn hóa của tiếng Nhật. Tổng hợp từ các tác giả Phạm (2021), Nguyen và cộng sự (2024) và Nguyen (2024), những yếu tố bao gồm: 1) Mức độ thành thạo ngôn ngữ cơ bản của người học. Nếu người học có vốn từ vựng hạn chế, hiểu sai ngữ pháp hoặc phát âm không rõ ràng, thì việc truyền đạt và tiếp nhận thông tin trong giao tiếp sẽ gặp nhiều trở ngại. Trong tiếng Nhật, việc sử dụng sai tiểu từ (は・が・を・に) hay kính ngữ (敬語) có thể làm thay đổi hoàn toàn nghĩa câu, thậm chí gây hiểu nhầm hoặc mất phép lịch sự. 2) Thiếu môi trường thực hành giao tiếp tiếng Nhật là rào cản lớn đối với người học. 3) Yếu tố tâm lí và mức độ tự tin khi giao tiếp đóng vai trò then chốt, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng sử dụng ngôn ngữ của người học trong các tình huống thực tiễn. 4) Mục tiêu phát triển NLGT tiếng Nhật đóng vai trò như một động lực nội tại thúc đẩy quá trình tiếp thu, thực hành và duy trì việc học ngôn ngữ.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Xây dựng quy trình triển khai phương pháp dạy học theo dự án trong phát triển năng lực giao tiếp tiếng Nhật

Quy trình triển khai phương pháp dạy học theo dự án trong phát triển NLGT tiếng Nhật gồm 5 bước, trong đó trình tự các bước thể hiện được các đặc trưng cốt lõi như năng lực giải quyết vấn đề phức hợp, tư duy phản biện năng lực tự chủ và kỹ năng cộng tác của PBL. Đồng thời, mỗi bước đều gắn với việc rèn luyện các thành tố của NLGT tiếng Nhật.

Bước 1. Xác định chủ đề và mục tiêu dự án: Chủ đề được lựa chọn phải phù hợp giúp người học cảm thấy dự án có ý nghĩa, từ đó nâng cao động lực nội tại, sự hứng thú, cũng như khả năng chủ động học tập, đặc biệt phát triển NLGT tiếng Nhật. Mục tiêu dự án thể hiện ba thành phần cốt lõi: Thái độ/phẩm chất, kiến thức và kỹ năng.

Bước 2. Lập kế hoạch thực hiện dự án: Dựa vào các chủ đề và mục tiêu dự án đã được xác định ở Bước 1 xây dựng kế hoạch phù hợp với loại dự án cũng như số SV trong mỗi nhóm nhằm phát triển NLGT tiếng Nhật cho SV.

Bước 3. Thực hiện dự án: Triển khai các hoạt động tìm hiểu, thu thập thông tin và thực hành giao tiếp bằng tiếng Nhật.

Bước 4. Trình bày kết quả dự án: Trình bày, chia sẻ và tương tác về sản phẩm dự án bằng tiếng Nhật.

Bước 5. Đánh giá kết quả dự án và rút kinh nghiệm: Việc đánh giá trong PBL không chỉ dừng lại ở sản phẩm cuối cùng mà cần kết hợp giữa đánh giá quá trình và đánh giá kết quả, giữa đánh giá của GV, tự đánh giá của SV và đánh giá đồng đẳng giữa các nhóm.

2.3.2. Vận dụng quy trình 5 bước trong triển khai phương pháp dạy học theo dự án nhằm phát triển năng lực giao tiếp tiếng Nhật cho sinh viên Trường ĐHBK TPHCM

Dựa vào quy trình 5 bước đã được xây dựng ở mục 2.3.1, chúng tôi triển khai như sau:

Bước 1. Xác định chủ đề và mục tiêu dự án

Việc xác định chủ đề và mục tiêu dự án cần được thực hiện trên cơ sở bám sát chương trình học tiếng Nhật hiện hành của SV, bảo đảm sự thống nhất giữa nội dung học phần, trình độ ngôn ngữ và mục tiêu phát triển NLGT tiếng Nhật. Dưới đây là bảng tổng hợp tên và mục tiêu bài học theo Đề cương môn học Tiếng Nhật – Kiến thức ngôn ngữ 1 (Japanese – Knowledge 1) ở Trường ĐHBK TPHCM.

Bảng 1. Tên bài học và mục tiêu bài học trong chương trình tiếng Nhật hiện hành

STT	Tên bài học	Mục tiêu bài học
1	Tự giới thiệu bản thân	Diễn đạt được cách chào hỏi, tự giới thiệu tên, tuổi, nghề nghiệp và quốc tịch
2	Làm quen với đồ vật xung quanh	Diễn đạt được đại từ chỉ định để giới thiệu người và đồ vật (cái này, cái kia...)
3	Đất nước, nơi làm việc và mua sắm	Diễn đạt được đại từ chỉ định để giới thiệu nơi chốn của người và đồ vật
4	Hoạt động thường ngày đơn giản, thời gian và giờ giấc	Đọc được giá của đồ vật và mua được 10 đồ vật. Diễn đạt đúng về giờ, phút, thứ trong tuần và các hoạt động hằng ngày (Ngủ, thức dậy, làm việc)
5	Phương tiện giao thông và di chuyển	Diễn đạt được về việc đi đâu, đến đâu, về đâu bằng phương tiện gì và đi cùng với ai. Diễn đạt được hiện tại và quá khứ của động từ

6	Hoạt động cơ bản hằng ngày, mời và nhận lời mời	Diễn đạt được ngoại động từ (Ăn cơm, uống trà, xem TV) và mời ai đó cùng làm gì và trả lời
7	Công cụ và cho/nhận	Diễn đạt về việc làm việc gì đó bằng công cụ nào (bằng tiếng Nhật, bằng đũa). Diễn đạt cho ai, nhận, học từ ai cái gì
8	Tính từ	Chia được tính từ: Khẳng định, phủ định, quá khứ, hiện tại. Vận dụng được tính từ bổ nghĩa cho danh từ để miêu tả tính chất, trạng thái của sự vật, con người kết hợp cùng phó từ biểu thị mức độ
9	Sở thích và khả năng (Trạng từ)	Diễn đạt sự yêu, ghét; giỏi, kém; hiểu, biết. Diễn đạt được trạng từ chỉ mức độ. Diễn đạt được nguyên nhân kết quả
10	Sự tồn tại	Vận dụng được từ chỉ phương hướng, vị trí và động từ あります /います trong tình huống nói có cái gì/ai đó ở đâu
11	Số đếm	Diễn đạt đúng giới từ trong ngữ cảnh. Cách đếm, cách hỏi và trình bày được số lượng đồ vật, con người và khoảng thời gian thực hiện hành động
12	So sánh và quá khứ	Chia được tính từ, danh từ ở thì quá khứ và diễn đạt được so sánh giữa hai hay nhiều đối tượng
13	Đi đến đâu để làm gì?	Diễn đạt được mong muốn có một vật gì đó hoặc muốn làm một việc gì đó. Diễn đạt được mục đích của việc di chuyển
14	Sai khiến: “Hãy làm...” (Chia thể てください)	Phân nhóm và chia được động từ thể てください. Vận dụng được thể てください nhờ vả, yêu cầu, đề nghị lịch sự hoặc diễn tả hành động đang xảy ra. Diễn đạt được đề nghị làm một việc gì đó cho người nghe. Bằng trợ từ ため, có thể diễn đạt một hiện tượng tự nhiên mà ta cảm nhận được từ 5 giác quan hay truyền đạt một cách khách quan sự việc

(International Training Office, Ho Chi Minh City University of Technology, 2025).

Dựa vào tên và mục tiêu bài học đã được xác định ở Bảng 1, chủ đề và mục tiêu của dự án trong chương trình học tiếng Nhật được xác định. Từ Bài 1 đến Bài 3 chủ yếu cung cấp những cấu trúc nền tảng, đơn giản, phù hợp với các nhiệm vụ học tập ngắn, có phạm vi hẹp. Do đó, dự án ngắn hạn với chủ đề: “Góc làm việc/học tập lí tưởng của tôi” được xác định. Mục tiêu của dự án này bao gồm: Tự giác, độc lập trong thu thập thông tin; Sẵn sàng tham gia và chia sẻ với các thành viên trong nhóm/lớp; Thiết kế và giới thiệu không gian học tập/làm việc bằng tiếng Nhật; Luyện từ vựng về đồ vật và cấu trúc chỉ vị trí bằng những cuộc hội thoại ngắn. Trong 11 bài từ Bài 4 đến Bài 14 mở rộng dần về nội dung giao tiếp, ngữ pháp và tình huống sử dụng ngôn ngữ, từ đó tạo điều kiện để triển khai một dự án dài hạn với chủ đề: “Cẩm nang du lịch bỏ túi: Một ngày tại TPHCM”. Mục tiêu của dự án này là: Tự giác, độc lập trong thu thập thông tin; Sẵn sàng tham gia và chia sẻ với các thành viên trong nhóm/lớp; Tạo ra bản đồ du lịch hoặc video ngắn hướng dẫn lộ trình tham quan TPHCM cho người Nhật; Phát triển NLGT cho SV qua vận dụng quy trình năm bước, đồng thời nhiều nội dung ngôn ngữ như thời gian, phương tiện đi lại, tính từ miêu tả, so sánh, mục đích hành động và thể てください để hướng dẫn, đề nghị lịch sự hoặc diễn tả hành động đang xảy ra.

Bước 2. Lập kế hoạch thực hiện dự án

Trên cơ sở hai chủ đề đã được xác định ở bước 1, GV tiến hành lập kế hoạch, bảo đảm vừa sức nhưng vẫn tạo được cơ hội để người học vận dụng tiếng Nhật trong giao tiếp thực tế. Kế hoạch thực hiện hai dự án này được khái quát như trong Bảng 2.

Bảng 2. Kế hoạch thực hiện hai dự án trong dạy học tiếng Nhật theo PBL

Nội dung	Dự án ngắn hạn	Dự án dài hạn
Tên dự án	Góc làm việc/học tập lí tưởng của tôi	Cẩm nang du lịch bỏ túi: Một ngày tại TPHCM
Phạm vi	Bài 1 đến Bài 3 và Bài 10	Bài 4 đến Bài 14
Thời gian	1 - 2 buổi học	3 - 4 tuần
Quy mô nhóm	2 - 3 SV	4 - 5 SV
Nhiệm vụ dự án	Thu thập ảnh/tranh/hình vẽ thể hiện từ vựng theo tiếng Nhật liên quan đến không gian học tập/làm việc; Thiết kế và giới thiệu không gian học tập/làm việc bằng tiếng Nhật; Luyện tập trình bày và hội thoại ngắn tập trung về đồ vật và cấu trúc chỉ vị trí. Thực hiện trình bày/hội thoại ngắn trước lớp.	Thu thập thông tin liên quan đến hoạt động thường ngày bằng tiếng Nhật. Tham gia làm việc nhóm ở nhà và trên lớp; Tổng hợp những nội dung chi về thời gian, phương tiện đi lại, tính từ miêu tả, so sánh, mục đích hành động và thể ㄒ để hướng dẫn, đề nghị lịch sự hoặc diễn tả hành động đang xảy ra; Tạo bản đồ du lịch hoặc video ngắn hướng dẫn lộ trình tham quan TPHCM cho người Nhật; Luyện tập nói (cá nhân) và hội thoại (nhóm) theo bản đồ hay video được nhóm tạo ra. Thực hiện hội thoại trước lớp.
Yêu cầu sản phẩm	Tranh/sơ đồ + phần thuyết trình/hội thoại ngắn bằng tiếng Nhật	Bản đồ/video + phần giới thiệu, hướng dẫn và tương tác hỏi - đáp bằng tiếng Nhật
Thực hiện nhiệm vụ	Mỗi SV cùng chuẩn bị hình ảnh, từ vựng và luyện nói, sau đó cả nhóm chọn và thống nhất sản phẩm đạt được.	Mỗi SV cùng chuẩn bị thông tin về hoạt động thường ngày bằng tiếng Nhật. Sau đó, cả nhóm cùng thực hiện bản đồ du lịch hoặc video ngắn hướng dẫn lộ trình tham quan TPHCM cho người Nhật. Luyện nói và hội thoại và thực hiện hội thoại theo vai trước lớp.
Mức độ sử dụng tiếng Nhật	Chủ yếu ở mức mô tả ngắn, hỏi - đáp đơn giản	Sử dụng tiếng Nhật ở mức tổng hợp hơn: giới thiệu, hướng dẫn, miêu tả, so sánh, tương tác và phản hồi

Bước 3. Thực hiện dự án

SV tiến hành thực hiện dự án theo đúng kế hoạch đã được xây dựng trong Bảng 2. Đây là công việc trung tâm của PBL, bởi quá trình học tập không chỉ diễn ra ở thời điểm trình bày sản phẩm cuối cùng mà được hình thành xuyên suốt thông qua các hoạt động tìm kiếm thông tin, trao đổi, hợp tác, xử lí ngôn ngữ và luyện tập giao tiếp. Ở bước này, SV giữ vai trò chủ thể thực hiện dự án, còn GV đóng vai trò tổ chức, theo dõi, hỗ trợ và điều phối quá trình học tập nhằm bảo đảm dự án được triển khai đúng hướng và phục vụ trực tiếp cho mục tiêu phát triển NLGT tiếng Nhật. Trong bước này, hoạt động dạy học của GV và SV không chỉ diễn ra trên lớp mà còn được mở rộng ra ngoài lớp học thông qua các hoạt động tự học, hợp tác nhóm và chuẩn bị sản phẩm và được khái quát ở Bảng 3 sau đây:

Bảng 3. Hoạt động của SV và GV trong bước thực hiện dự án

Hoạt động		Dự án ngắn hạn	Dự án dài hạn
Sinh viên thực hiện	Ngoài lớp học	Tham khảo cách thực hiện dự án ngắn hạn trong dạy học; Chụp ảnh hoặc vẽ sơ đồ góc học tập/làm việc; Liệt kê đồ vật bằng tiếng Nhật; Xác định vị trí của đồ vật; Luyện nói mỗi ngày và hội thoại qua Zalo với bạn cùng nhóm mô tả “Góc làm việc/học tập lí tưởng của tôi” 2 lần/tuần trong thời gian thực hiện dự án.	Tham khảo cách thực hiện dự án dài hạn trong dạy học; Tìm kiếm, chọn lọc địa điểm tham quan; Thu thập thông tin về thời gian, phương tiện, chi phí, món ăn, đặc điểm nổi bật; Xây dựng nội dung tiếng Nhật cho bản đồ/video; Thiết kế sản phẩm, luyện thuyết trình, chuẩn bị tình huống hỏi – đáp; Phân công nhiệm vụ và theo dõi tiến độ thực hiện của TV trong nhóm.
	Trên lớp	Lắng nghe và ghi chú những hướng dẫn về thực hiện dự án của GV; Thống nhất chụp ảnh/vẽ sơ đồ góc học tập/làm việc trong nhóm; Lựa chọn nội dung mô tả góc học tập/làm việc của nhóm; Luyện trình bày và hỏi – đáp ngắn giữa các SV trong nhóm.	Lắng nghe và ghi chú những hướng dẫn của GV; Thống nhất phương án tối ưu trong nhóm là bản đồ/video ngắn hướng dẫn lộ trình tham quan TPHCM cho người Nhật; Hoàn thiện nội dung trong bản đồ/video này, sau đó tham khảo ý kiến của GV (nếu cần); Luyện hội thoại theo vai trong nhóm.
GV tổ chức, theo dõi, hỗ trợ và điều phối	Ngoài lớp học	Theo dõi tiến độ tham gia dự án của SV trên cơ sở báo cáo cá nhân và của mỗi nhóm sau buổi học đầu tiên.	Theo dõi mức độ hoàn thành của từng nhóm dựa theo báo cáo tiến độ của nhóm và nhiệm vụ đã hoàn thành của từng SV sau mỗi tuần qua Zalo.
	Trên lớp	Gợi ý từ vựng; Hướng dẫn mẫu câu cơ bản. Cung cấp lỗi thường gặp về trợ từ, vị trí và động từ chỉ sự tồn tại; Quan sát SV làm việc nhóm và chấn chỉnh kịp thời (nếu cần); Tạo môi trường thuận lợi cho SV luyện nói và hội thoại trong nhóm.	Chia tiến độ theo từng tuần; Góp ý về ND, ngữ pháp, từ vựng và tính logic của sản phẩm; Hướng dẫn cách diễn đạt lịch sự, phù hợp ngữ cảnh; Quan sát SV làm việc nhóm, ghi nhận tiến độ dự án của mỗi nhóm. Nêu gương nhóm vượt tiến độ và động viên nhóm làm chưa tốt; Tạo môi trường thuận lợi cho SV luyện nói, hội thoại trong nhóm.

Bước 4. Trình bày kết quả dự án

Sau khi thực hiện dự án, điều này cũng đồng nghĩa với hoàn thành sản phẩm, các nhóm SV tiến hành trình bày, chia sẻ và tương tác về dự án bằng tiếng Nhật trước lớp.

- Đối với dự án ngắn hạn “Góc làm việc/học tập lí tưởng của tôi”, hoạt động trình bày có thể được tổ chức ngay trên lớp dưới hình thức thuyết trình ngắn kết hợp hỏi – đáp. Mỗi nhóm trưng bày ảnh chụp hoặc sơ đồ không gian học tập/làm việc của mình, sau đó dùng tiếng Nhật để giới thiệu các đồ vật, vị trí sắp xếp và đặc điểm nổi bật của không gian đó. Trong khi một hoặc hai SV trình bày, các SV còn lại có thể hỗ trợ chỉ vào tranh, minh họa hoặc trả lời câu hỏi từ SV khác. Sau phần trình bày, các nhóm khác sẽ đặt những câu hỏi ngắn bằng tiếng Nhật như hỏi tên đồ vật, hỏi vị trí hoặc yêu cầu làm rõ một thông tin nào đó. SV lắng nghe, quan sát và ghi âm hoặc tổng hợp sản phẩm từ các nhóm khác và cuối cùng cá nhân hoặc nhóm SV tự chỉnh sửa/bổ sung ND và luyện nói/hội thoại mô tả ảnh chụp/sơ đồ của nhóm. GV tạo điều kiện cho SV sáng tạo ND và khích lệ, động viên SV khi gặp trở ngại trong trình bày và hội thoại. Đồng

thời, GV tạo điều kiện thuận lợi và môi trường thân thiện cho tất cả SV có cơ hội trình hoặc hội thoại trên lớp. Với hình thức này, SV được luyện khả năng mô tả, sử dụng cấu trúc chỉ vị trí, diễn đạt sự tồn tại, đồng thời tăng khả năng phản xạ khi phải trả lời các câu hỏi bất ngờ từ bạn học. SV tự điều tiết tâm lý e ngại, chú tâm vào kính ngữ trong giao tiếp.

- Đối với dự án dài hạn “Cẩm nang du lịch bỏ túi: Một ngày tại TP. Hồ Chí Minh”, bước trình bày cần được tổ chức theo hình thức mở rộng hơn để tạo môi trường giao tiếp phong phú và gần với thực tế. Một phương án phù hợp là tổ chức lớp học thành một buổi “hội chợ du lịch” hoặc “ngày hội giới thiệu hành trình”, trong đó mỗi nhóm trưng bày bản đồ du lịch hoặc video đã xây dựng, đồng thời cử đại diện giới thiệu lộ trình tham quan bằng tiếng Nhật. Trong quá trình này, các nhóm khác tham gia hội thoại với vai khách du lịch Nhật Bản để đặt câu hỏi về địa điểm, thời gian, phương tiện đi lại, món ăn, chi phí hoặc lí do nên lựa chọn hành trình. Nhóm trình bày không chỉ giới thiệu sản phẩm mà còn phải chủ động giải thích, hướng dẫn, đưa ra gợi ý và phản hồi câu hỏi bằng tiếng Nhật. SV lắng nghe, quan sát và ghi âm hoặc tổng hợp sản phẩm từ các nhóm khác. Sau đó, nhóm SV thảo luận, tự chỉnh sửa/bổ sung ND bài thuyết trình và cùng luyện tập hội thoại. GV tạo điều kiện cho nhóm có SV yếu hoặc nhút nhát trong giao tiếp trình bày trước, cũng như khích lệ, động viên SV này hoàn thành nhiệm được giao. Đồng thời, GV tạo môi trường thân thiện và gắn liền thực tiễn cho tất cả SV có cơ hội trình và hội thoại trên lớp.

Do đó, sau khi các nhóm trình bày và tham gia hội thoại, SV sẽ tự chọn lọc và tổng hợp được một “Cẩm nang du lịch bỏ túi: Một ngày tại TP. Hồ Chí Minh” hoàn thiện, thực sự mở rộng được vốn từ vựng, trong giao tiếp tự nhiên trong môi trường gần gũi thực tiễn. Điều này, thực sự phát triển năng lực giao tiếp tiếng Nhật.

Bước 5. Đánh giá kết quả dự án và rút kinh nghiệm

Tiếp theo, GV cùng SV tiến hành đánh giá dự án và rút kinh nghiệm. ND đánh giá phải bám sát mục tiêu của hai dự án, đồng thời bảo đảm định hướng phát triển NLGT tiếng Nhật một cách toàn diện. Cách thức đánh giá là kết hợp giữa đánh giá của GV, của SV khác/nhóm SV và tự đánh giá của SV. Sau khi nhận được phản hồi, GV và SV cùng phân tích kết quả đạt được của sản phẩm từ hai dự án, từ đó xác định những điểm cần cải thiện và rút ra kinh nghiệm cho các dự án tiếp theo. Đánh giá dự án ngắn hạn và dự án dài hạn về nhiều mặt của NLGT tiếng Nhật như độ chính xác ngôn ngữ, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy phản biện, năng lực tự chủ, mức độ tương tác và tinh thần làm việc nhóm được cụ thể như trong hai Rubric ở Bảng sau:

Bảng 4. Rubric đánh giá dự án ngắn hạn và dài hạn trong dạy học tiếng Nhật theo PBL

Tiêu chí	Đề án	Xuất sắc (9-10 điểm)	Khá (7-8 điểm)	Trung bình (5-6 điểm)	Cần cố gắng (<5 điểm)	Trọng số
Nội dung và ngôn ngữ	Ngắn hạn	Sử dụng (SD) đúng và khá linh hoạt từ vựng, mẫu câu, trợ từ chỉ vị trí và sự tồn tại; diễn đạt rõ ý, ít lỗi	SD tương đối đúng từ vựng và cấu trúc; còn một vài lỗi nhỏ nhưng không ảnh hưởng nhiều đến ý nghĩa	Có SD từ vựng và cấu trúc cơ bản nhưng còn sai khá nhiều lỗi về trợ từ, trật tự từ hoặc diễn đạt rời rạc	Sai nhiều lỗi ngữ pháp, từ vựng và trợ từ, khiến người nghe khó hiểu nội dung (ND)	40%

	Dài hạn	SD chính xác và linh hoạt từ vựng, ngữ pháp thuộc các bài 4 - 14; biết vận dụng tính từ, so sánh, mục đích hành động, thể ㄟ và các biểu thức phù hợp ngữ cảnh	SD đúng phần lớn ND ngôn ngữ; còn một số lỗi nhỏ nhưng không ảnh hưởng nhiều đến khả năng hiểu	Chỉ SD được những cấu trúc đơn giản; còn nhiều lỗi về ngữ pháp, từ vựng và cách diễn đạt	Sai quá nhiều lỗi, diễn đạt thiếu rõ ràng, người nghe khó nắm được ND	35%
	Ngắn hạn	Ảnh/sơ đồ rõ ràng, trình bày đẹp, logic, thể hiện đầy đủ đồ vật và vị trí. Tranh/sơ đồ; Phần thuyết trình/hội thoại (TT/HT) ngắn bằng tiếng Nhật lưu loát, không mắc lỗi.	Ảnh/sơ đồ khá rõ ràng, đầy đủ ND chính nhưng hình thức chưa thật nổi bật; Phần TT/HT ngắn bằng tiếng Nhật lưu loát, mắc 1-2 lỗi.	Ảnh/sơ đồ còn đơn giản, thiếu một vài chi tiết cần thiết; Phần TT/HT ngắn bằng tiếng Nhật chưa lưu loát, mắc 1-2 lỗi.	Ảnh/sơ đồ sơ sài, thiếu thông tin quan trọng, trình bày câu thả; Phần TT/HT ngắn bằng tiếng Nhật chưa lưu loát, mắc 3-4 lỗi.	20%
Sản phẩm dự án	Dài hạn	Bản đồ/video có hình thức đẹp, bố cục logic, thông tin phong phú, có tính thực tiễn và sáng tạo; Phần giới thiệu, hướng dẫn và tương tác hỏi - đáp (GT, HD & TT H - Đ) bằng tiếng Nhật 100% bám sát theo bản đồ/video và diễn đạt tự nhiên, phát âm rõ.	Bản đồ/video rõ ràng, tương đối đầy đủ thông tin yêu cầu nhưng chưa thật nổi bật về hình thức/ ý tưởng; Phần GT, HD & TT H - Đ bằng tiếng Nhật từ 80% SV bám sát theo bản đồ/video, diễn đạt tự nhiên, phát âm rõ.	Bản đồ/video còn sơ sài, thiếu một số thông tin quan trọng như thời gian, địa điểm...; Phần GT, HD & TT H - Đ bằng tiếng Nhật dưới 80% - 50% SV bám sát theo bản đồ/video, diễn đạt tự nhiên, phát âm rõ.	Bản đồ/video thiếu nhiều thông tin, bố cục rời rạc, hình thức chưa đạt yêu cầu; Phần GT, HD & TT H - Đ bằng tiếng Nhật dưới 50% - 30 % SV bám sát theo bản đồ/video, diễn đạt tự nhiên, phát âm rõ.	20%
NLGT khi thuyết trình	Ngắn hạn	Trình bày (TB) liên tục, rõ, không ngắt quãng, phát âm rõ, không nhìn tài liệu. Có sự lưu loát hơn sau mỗi lần TB đề mô tả ngắn, hỏi - đáp đơn giản mà không mắc lỗi.	TB tương đối rõ, đôi lúc còn ngập ngừng hoặc nhìn tài liệu. Có sự lưu loát hơn sau mỗi lần TB đề mô tả ngắn, hỏi - đáp đơn giản, gặp 1 hoặc 2 lỗi.	TB rời rạc, phát âm chưa rõ, phụ thuộc nhiều vào tài liệu. Có sự lưu loát hơn sau mỗi lần TB đề mô tả ngắn, hỏi - đáp đơn giản, 3-4 lỗi.	Gặp nhiều khó khăn khi TB, gần như không thể diễn đạt trọn ý và ở mức mô tả ngắn, hỏi - đáp đơn giản nhiều hơn 4 lỗi.	20%
	Dài hạn	Nói khá trôi chảy, phát âm rõ, biết nhấn mạnh ND chính, ít hoặc không phụ thuộc vào tài liệu. SD tiếng Nhật ở mức tổng hợp hoàn hảo.	TB tương đối mạch lạc, còn ngập ngừng vẫn truyền đạt được ý chính. SD tiếng Nhật ở mức tổng hợp khá hoàn hảo	TB còn rời rạc, phụ thuộc nhiều vào giấy, phát âm và ngữ điệu chưa tốt. SD tiếng Nhật ở mức tổng hợp chưa hoàn hảo	Gặp nhiều khó khăn khi TB, không thể diễn đạt trọn vẹn ND. SD tiếng Nhật ở mức tổng hợp giới hạn.	20%
Tương tác và phản xạ giao tiếp	Ngắn hạn	Trả lời 100% câu hỏi của SV nhanh, đúng ý, tương đối tự nhiên	Trả lời dưới 80% - 50% câu hỏi nhưng cần thời gian suy nghĩ	Chỉ trả lời được những câu hỏi rất đơn giản	Không trả lời được hoặc trả lời không đúng ND câu hỏi	10%

	Dài hạn	Trả lời 100% câu hỏi của “khách du lịch”/bạn học tự nhiên, đúng nội dung, có khả năng giải thích thêm	Trả lời được dưới 80% - 50% câu hỏi nhưng còn chậm hoặc chưa thật linh hoạt	Chỉ trả lời được những câu hỏi đơn giản, ít có khả năng giải thích thêm	Không hiểu hoặc không trả lời được câu hỏi tương tác	15%
Làm việc nhóm	Ngắn hạn	Tất cả SV phối hợp chặt chẽ, tham gia tích cực	Trên 80% SV phối hợp, tham gia tích cực	Từ 50% đến dưới 80% SV phối hợp, tham gia tích cực	Hơn 50% SV phối hợp rời rạc, ít tham gia	10%
	Dài hạn	Tất cả SV phối hợp chặt chẽ, phân công rõ ràng, tham gia tích cực và hỗ trợ nhau hiệu quả	Tất cả SV hợp tác tương đối chặt chẽ, tham gia tích cực	Từ 50% - 80% SV phối hợp chặt chẽ, tham gia tích cực	Đến 50% SV làm việc rời rạc, thiếu phân công, hỗ trợ lẫn nhau	10%

Sau khi triển khai quy trình năm bước này, chúng tôi đã tiến hành dạy thử dự án ngắn hạn theo chủ đề “Góc làm việc/học tập lí tưởng của tôi” nhằm đánh giá tác động của PBL đối với việc phát triển NLGT tiếng Nhật của SV. Kết quả khảo sát 20 SV đã tham gia học tập theo PBL trong một lớp học tiếng Nhật với quan sát và phỏng vấn 01 GV tham gia dạy thử. Kết quả đã cho thấy việc vận dụng PBL đã tạo ra môi trường học tập tích cực, giúp SV có nhiều cơ hội sử dụng tiếng Nhật trong giao tiếp thông qua các hoạt động như thảo luận nhóm, trình bày dự án và trao đổi ý tưởng. Điều này góp phần nâng cao sự tự tin, khả năng diễn đạt và khả năng tương tác của SV khi sử dụng tiếng Nhật trong các tình huống thực tế.

3. Kết luận

Trên nền tảng cơ sở lí thuyết và phân tích kết quả nghiên cứu thực tiễn, quy trình 5 bước triển khai PBL nhằm phát triển NLGT tiếng Nhật cho SV Trường ĐHBK TPHCM đã được xây dựng. Sau khi tiến hành Bước 1, hai chủ đề phù hợp và các mục tiêu dự án được xác định, đây là cơ sở để tiến hành các bước còn lại. Kết thúc tổ chức dạy thử một dự án ngắn hạn theo chủ đề “Góc làm việc/học tập lí tưởng của tôi”, thông qua các nguồn dữ liệu thu thập từ khảo sát SV, quan sát lớp học và phỏng vấn GV, nghiên cứu đã làm rõ những tác động thực tế của PBL đối với quá trình học tập và giảng dạy. Kết quả cho thấy việc vận dụng quy trình 5 bước trong triển khai PBL đã tạo ra môi trường học tập tích cực, SV tự quyết định về dự kiến sản phẩm dự án, tự thu thập nguồn thông tin, dữ liệu và phối hợp chặt chẽ cũng như tham gia tích cực trong nhóm. Ngoài ra SV có nhiều cơ hội sử dụng tiếng Nhật trong giao tiếp thông qua các hoạt động như thảo luận nhóm, trình bày dự án và trao đổi ý tưởng. Điều này như là minh chứng và khẳng định rằng vận dụng quy trình 5 bước đã tạo điều kiện phát triển NLGT tiếng Nhật cho SV Trường ĐHBK TPHCM. Quy trình phù hợp với cơ sở lí luận và thực tiễn dạy học tiếng Nhật ở Trường. Trong tương lai, có thể tiếp tục nghiên cứu bằng thực nghiệm sư phạm dự án dài hạn với chủ đề “Cẩm nang du lịch bỏ túi: Một ngày tại TPHCM”.

Vận dụng PBL theo quy trình 5 bước như đã xây dựng, cũng có thể kết hợp với các PPDH tích cực/hiện đại khác, đặc biệt là dạy học theo nhiệm vụ – TBLT sẽ góp phần không nhỏ trong việc phát triển NLGT tiếng Nhật cho SV Trường ĐHBK TPHCM.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bui, T. B. N. (2025). Task-based language teaching for primary students in Vietnam: Potential and possibilities. *Journal of Science - Ho Chi Minh City University of Education*, 22(3), 579 -589. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.3.4813\(2025\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.3.4813(2025))
- Cao, L. D. C. (2017). Dạy và học tiếng Nhật trong thời đại toàn cầu [Teaching and learning Japanese in the age of globalization]. *Journal of Science - Ho Chi Minh City University of Education*, 14(4), 58–69.
- Dam, M. T. (2017). Tích hợp kỹ năng trong học ngoại ngữ thông qua dự án làm video “Tìm hiểu ảnh hưởng của văn hóa Pháp tại Việt Nam” [Integrated skills in foreign language learning via video project “Study of the cultural influences of France in Vietnam”]. *TNU Journal of Science and Technology*, 174(14), 153-158.
- Dewi, H. (2016). Project-based learning techniques to improve speaking skills. *English Education Journal*, 7(3), 341-359.
- Frey, K. (1998). *Die Projektmethode*. 8. Auflage. Beltz Verlag. Weinheim und Basel. Klaus Kaltenberg.
- International Training Office, Ho Chi Minh City University of Technology (2025). *Đề cương môn học Tiếng Nhật - Kiến thức ngôn ngữ 1 [Japanese – Knowledge 1]*. Unpublished course syllabus.
- Matsuda, N., Mori, M., & Kita, H. (2007). プロジェクト型学習（PBL）におけるWBSの活用とその導入手法の提案. *Journal of the International Association of Project & Program Management*, 2(1), 129–142.
- Nguyen, L. T. (2024). Tổng quan về mối quan hệ của các yếu tố tương tác trực tiếp và động lực học tập của sinh viên [Overview of the relationship between direct interaction factors and student learning dynamics]. *Journal of Psychology and Education*, 30(01), 70–79. <https://zim.vn/dong-luc-hoc-tap>
- Nguyen, T. T. T. (2010). Đa dạng hóa hình thức giảng dạy ngoại ngữ bằng phương pháp dạy học theo dự án. [Diversifying foreign languages teaching by means of project-based teaching method]. *Journal of Science and Technology – The University of Da Nang*, 3(40), 199-204.
- Nguyen, T. B. H., Hoang, L. T. H., Hoang, M. H., Vu, T. T. T., & Bui, L. H. (2024). Áp dụng phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy tiếng Nhật tại Khoa Tiếng Nhật Trường Đại học Ngoại Thương. [Applying Active Learning Methods in Teaching Japanese at the Faculty of Japanese Studies, Foreign Trade University]. *Journal of Educational Equipment: Applied Research*, 1(318), 131–133.
- Nguyen, V. C., & Meier, B. (2012). *Lí luận dạy học hiện đại: Một số vấn đề về đổi mới phương pháp dạy học [Modern Instructional Theory: Issues in Teaching Method Innovation]*. Hanoi National University of Education Publishing House.

- Pham, T. T. T. (2021). Khảo sát thực trạng sử dụng kính ngữ của sinh viên năm tư ngành tiếng Nhật Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Đà Nẵng [An investigation into the use of honorifics of fourth – year japanese students at the university of Danang – university of foreign languages studies]. *Journal of Science and Technology – The University of Da Nang*, 19(4.1), 24–28.
- Thomas, J. W. (2000). *A review of the research on project-based learning*. The Autodesk Foundation.
- Trinh, V. B., Phan, D. C. T., & Trinh, L. H. P. (2011). Dạy học dự án – Từ lý luận đến thực tiễn [Project-based learning – from theory to practice]. - *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, (28), 3–12.
- Wellspring Hanoi. (2026). Phương pháp dạy học theo dự án: Khi lớp học khơi nguồn cho những ý tưởng lớn [Project-based learning: When the classroom sparks big ideas]
<https://wellspring.edu.vn/tin-tuc/phuong-phap-day-hoc-theo-du-an-khi-lop-hoc-khoi-nguon-cho-nhung-y-tuong-lon>

**APPLYING PROJECT-BASED LEARNING TO DEVELOP JAPANESE
COMMUNICATIVE COMPETENCE AMONG UNDERGRADUATES
AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF TECHNOLOGY**

Vo Thi Ngoc Lan, Le Quoc Tri*

Ho Chi Minh City University of Technology, Vietnam

**Corresponding author: Le Quoc Tri – Email: Reikokuchi7@gmail.com*

Received: July 16, 2026; Revised: July 30, 2026; Accepted: August 21, 2026

ABSTRACT

Japanese communicative competence has become an essential competency emphasized by advanced education systems worldwide, including those in Asia. However, efforts to develop students' Japanese communicative competence remain limited and face several challenges. This article presents the theoretical and practical foundations for applying project-based learning (PBL) to enhance Japanese communicative competence. It also proposes a five-step PBL implementation process for both short- and long-term projects. Following a pilot implementation of a short-term project, the findings indicate that students' Japanese communicative competence improved. These findings provide both a theoretical and practical basis and a valuable reference for lecturers seeking to use PBL to foster Japanese communicative competence among students at Ho Chi Minh City University of Technology.

Keywords: competency development; five-step process; Japanese communicative competence; Project-Based Learning